

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

ĐƠN VỊ: KHOA NGOẠI NGỮ

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Ngữ pháp nâng cao			
Mã học phần:	71CHIN40283		Số tín chỉ:	03
Mã nhóm lớp học phần:	71K28NNTQ02, 71K28NNTQ02, 71K28NNTQ03, 71NNTQ04			
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận		Thời gian làm bài:	90	phút
Thí sinh được tham khảo tài liệu:	☐ Có		☒ Không	

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng thành thạo kiến thức ngữ pháp nâng cao chuyên ngành để hiểu chính xác và sử dụng vào trong các lĩnh vực khác nhau	Trắc nghiệm + Tự Luận	60%	Trắc nghiệm: từ câu 1- câu 28	7	PI2.2
CLO2	Kỹ năng áp dụng thành thạo các điểm ngữ pháp được học vào trong giao tiếp	Trắc nghiệm + Tự Luận	20%	Tự luận: câu 1- câu 2		PI5.1

	thực tế và trong công việc có liên quan đến chuyên ngành					
CLO3	Thành thực kỹ năng chọn lọc, phân tích, tổng hợp kiến thức ngữ pháp đã học vào giải quyết các tình huống giao tiếp hoặc sử dụng văn bản trong công việc	Trắc nghiệm + Tự Luận	20%		3	PI7.2

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM: (28 câu *0.25 điểm = 7 điểm)

Câu 1:根据短语的结构类型“学习汉语”是什么短语？

- A. 述宾短语
- B. 状中短语
- C. 复指短语
- D. 主谓短语

ANSWER: A

Câu 2“这孩子太挑食了，你饿他三天看他还挑不挑”，句中的“饿”属于哪词类？

- A. 动词
- B. 名词
- C. 形容词
- D. 副词

ANSWER: A

Câu 3 下列中 () 是独立成词的语素？

- A. 才
- B. 丽
- C. 习
- D. 务

ANSWER: A

Câu 4“他太不负责了，竟然把资料忘在家里”，句中的 “负责” 属于哪词类？

- A. 形容词
- B. 动词
- C. 副词
- D. 介词

ANSWER: A

Câu 5:根据短语的结构类型“相当漂亮”是什么短语?

- A. 状中短语
- B. 定中短语
- C. 中补短语
- D. 联合短语

ANSWER: A

Câu 6“困难”“理想”这两个词是属于哪种兼类词?

- A. 兼属名词和形容词的
- B. 兼属名词兼和动词的
- C. 兼属连词和介词的
- D. 三个答案都错

ANSWER: A

Câu 7 状中短语中的中心语大多数由什么词类充当?

- A. 动词或形容词
- B. 名词或数量词
- C. 名词
- D. 代词

ANSWER: A

Câu 8 根据短语的结构类型“吃得下去”是什么短语?

- A. 中补短语
- B. 状中短语
- C. 联合短语
- D. 定中短语

ANSWER: A

Câu 9 什么是同音词?

- A. 是语音相同，意义上没有联系的词
- B. 是语音相同，意义上也有联系的词
- C. 两个答案都对
- D. 两个答案都不对

ANSWER: A

Câu 10 现代汉语的语法特点是表示语法关系和意义依赖于严格意义的形态变化，借助语序、虚词等其他语法手段。

- A. 错
- B. 对

ANSWER: A

Câu 11 根据短语的功能类型“中国文化”是什么短语？

- A. 名词性短语
- B. 形容词性短语
- C. 主谓短语
- D. 定中短语

ANSWER: A

Câu 12 “巧克力”是几个语素？

- A. 一个语素
- B. 两个语素
- C. 三个语素
- D. A、C 都对

ANSWER: A

Câu 13 根据短语的结构类型“孩子似的”是什么短语？

- A. 比况短语
- B. 量词短语
- C. 方位短语
- D. 介词短语

ANSWER: A

Câu 14 根据短语的结构类型“首都北京”是什么短语？

- A. 复指短语
- B. 联合短语
- C. 中补短语
- D. 述宾短语

ANSWER: A

Câu 15 语素是语言中最小的声音和意义的结合体。

- A. 对
- B. 错

ANSWER: A

Câu 16 “人”，“水”，“旅”，“了” 哪个是词？

- A. “人”，“水”，“了”
- B. “人”，“水”，“旅”
- C. “人”，“水”
- D. 三个答案都错

ANSWER: A

Câu 17 汉语划分词类的主要依据是什么？

- A. 主要依据词的语法功能
- B. 主要依据词的意义
- C. 主要依据词的外部形态
- D. 三个答案都对

ANSWER: A

Câu 18 根据短语的结构类型“书架上面”是什么短语？

- A. 方位短语
- B. 数量短语
- C. 介词短语
- D. 连谓短语

ANSWER: A

Câu 19 “老师让我们看的书看完了”，主语是：

- A. 老师让我们看的书
- B. 老师
- C. 我们看的书
- D. 老师让我们看

ANSWER: A

Câu 20 “她妈妈希望她能找到一个真正对她好的人”，宾语是：

- A. 她能找到一个真正对她好的人
- B. 希望她能找到一个真正对她好的人
- C. 一个真正对她好的人
- D. 对她好的人

ANSWER: A

Câu 21 “大多数男生都喜欢漂亮的女大学生”，定语是：

- A. (大多数)，(漂亮的)
- B. (漂亮的)
- C. (漂亮的女大学生)
- D. (大多数男生)

ANSWER: A

Câu 22 根据短语的功能类型“坐起来”是什么短语？

- A. 动词性短语
- B. 名词性短语
- C. 形容词性短语
- D. 复杂短语

ANSWER: A

Câu 23 “你把那些书收起来”，指出句中的补语部分和补语类型？

- A. <起来>，趋向补语
- B. <收起来>，趋向补语
- C. <起来>，结果补语
- D. <收起来>，结果补语

ANSWER: A

Câu 24 “你们坐在我的衣服上了”，指出句中的补语部分和补语类型？

- A. <在我的衣服上>, 处所补语
- B. <在我的衣服上>, 结果补语
- C. <坐在我的衣服上>, 趋向补语
- D. <在我的衣服上了>, 结果补语

ANSWER: A

Câu 25 “他走了一个小时了”, 指出句中的补语部分和补语类型?

- A. <一个小时>, 时段补语
- B. <一个小时>, 时点补语
- C. <走了一个小时>, 时段补语
- D. <一个小时了>, 时点补语

ANSWER: A

Câu 26 “去年北京热得不得了”, 指出句中的补语部分和补语类型?

- A. <不得了>, 程度补语
- B. <不得了>, 可能补语
- C. <得不得了>, 程度补语
- D. <热得不得了>, 程度补语

ANSWER: A

Câu 27 分析句子结构的时候, 用哪种符号隔开主语和谓语之间?

- A. ||
- B. •
- C. —
- D. /

ANSWER: A

Câu 28 “我清清楚楚地记得她当时痛苦的表情。”指出句中的状语部分?

- A. [清清楚楚地]
- B. [清清楚楚地记得]
- C. [清清楚楚]
- D. [痛苦的表情]

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN: (3 điểm)

Câu 1: 1 điểm

补语的位置在哪儿？补语从语义上来分可以分为哪几类？请列出来？

Câu 2: 2 điểm

Phần 1: 请用层次分析法分析下列短语的结构关系（1 分）

1. 成为一名导游
2. 宽叶的植物喜欢阳光

Phần 2: 请指出句子的成分（1 分）

1. 你能把我和后面的风景都照进去吗？
2. 美丽的风景在眼前。

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú						
I. Trắc nghiệm		7.0							
Câu 1 – 28	Đáp án A	0.25							
II. Tự luận		3.0							
Câu 1	补语的位置是在中心语（由动词或形容词充当）的后边。 补语从语义上来分可以分为 9 类： 结果补语、状态补语、程度补语、趋向补语、可能补语、动量补语、时段补语、时点补语、处所补语。	1.0							
Câu 2	Phần 1: <table><tr><td>1.成为</td><td>2.一名导游</td></tr><tr><td></td><td>3.一名</td></tr><tr><td></td><td>4.导游</td></tr></table> 1 - 2: 述宾关系	1.成为	2.一名导游		3.一名		4.导游	2.0	
1.成为	2.一名导游								
	3.一名								
	4.导游								

	3 - 4: “定—中”偏正关系 2. <table><tr><td>1.宽叶的植物</td><td>2.喜欢阳光</td></tr><tr><td>3.宽叶的</td><td>5.喜欢</td></tr><tr><td>4.植物</td><td>6.阳光</td></tr></table> 1 – 2: 主谓关系 3 – 4: “定-中”偏正关系 5 – 6: 述宾关系 Phần 2: 你能把我和后面的风景都照进去吗? 主语：你 谓语：能把我和后面的风景都照进去吗 状语：[能] – [把我和后面的风景] – [都] 定语 – 中心语：（后面的）风景 述语：照 补语：进去 美丽的风景在眼前。 主语：美丽的风景 谓语：在眼前 定语-中心语：（美丽的）风景 述语：在 宾语：眼前	1.宽叶的植物	2.喜欢阳光	3.宽叶的	5.喜欢	4.植物	6.阳光		
1.宽叶的植物	2.喜欢阳光								
3.宽叶的	5.喜欢								
4.植物	6.阳光								
	Điểm tổng	10.0							

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 10 năm 2024

Người duyệt đề



Mai Thu Hoài

Giảng viên ra đề



Ngô Thị Thanh Thu